

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HC-ST

Ngày 05 - 8 - 2022

*“Về yêu cầu hủy quyết định hành
chính về việc thu hồi đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc

Ông Nguyễn Quang Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh V

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham G phiên tòa: Ông Vũ Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ A số 17/2019/TLST-HC ngày 10 tháng 6 năm 2019 về khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HC ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1947; địa chỉ: Khu 3, phường C, thành phố P, tỉnh V, (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông H: Ông Trần Văn A, sinh 1947; địa chỉ: Khu Hành chính 1, phường B, thành phố Y, tỉnh V (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2019), (có mặt).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P; địa chỉ: Phường Trung Trắc, thành phố P, tỉnh V

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tiến D - Chủ tịch UBND thành phố P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng L- Phó Chủ tịch UBND thành phố P(Văn bản ủy quyền số 1418/VBUQ ngày 11/7/2012), (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân phường C, thành phố P; địa chỉ: Phường C, thành phố P, tỉnh V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng H - Chủ tịch UBND phường C, thành phố P, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, ông Nguyễn Viết H và người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Trần Văn A khai như sau:

Gia đình ông H có 02 thửa đất liền kề gồm: Thửa số 11 tờ bản đồ số 39 diện tích 420m² đất (Đất thổ cư) đã được UBND thị xã P(cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 778730 ngày 17/3/2006; Thửa số 12 TĐĐ số 39 diện tích 449m² đất (thửa số 12), đã được UBND thị xã P(cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 778731 ngày 17/3/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn Viết H theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định

Về nguồn gốc thửa đất số 12: Gia đình ông H sử dụng thửa đất này từ 1992 do ông Nguyễn Tiến G cho mượn, thửa đất này ông G khai hoang được từ rất lâu, sau khi mượn gia đình ông trồng rau, thả cá.

Vào khoảng những năm 1990, Đảng ủy, UBND xã C có chủ trương vận động nhân dân mua ao hồ, thúng vũng để làm nhà ở, có thu tiền sử dụng để xây dựng nhà văn hóa thôn đã yêu cầu ông H nộp tiền cho UBND xã C với số tiền là 6.400.000đ. Thửa đất số 12 lẽ ra ông G được ưu tiên mua nhưng vì ông G không có điều kiện nên không mua mà nhượng quyền sử dụng cho ông H, theo Giấy chuyển nhượng do ông G viết (không ghi ngày, tháng, năm) thì giá chuyển nhượng là 2.500.000đ, ông H đã trả đủ tiền cho ông G, tuy nhiên do trước đó ông G đã nộp 500.000đ là tiền phải nộp cho thửa đất số 12 (tiền tạm ứng, đặt cọc) cho ông T đội trưởng sản xuất, cho nên ông G đã viết dưới giấy biên nhận của ông T là: “*Kính gửi ông T, tôi Nguyễn Tiến G đề nghị ông T chuyển hộ 500.000đ sang cho hộ ông H*”. Như vậy thực chất ông G chỉ được hưởng 2.000.000đ, vì ông H nhận chuyển nhượng của ông G 2.500.000đ nhưng đã phải nộp cho Ủy ban 500.000đ

Số tiền ông nộp cho Ủy ban 6.400.000đ bao gồm: 500.000đ do ông G chuyển cho ông qua ông T; 3.900.000đ ông đưa cho ông Y để ông Y nộp cho Ủy ban; Tiền nộp thừa của thửa đất số 216 (cạnh trường học) chuyển sang (Gia đình ông H vẫn giữ hóa đơn của thửa đất 216m²)

Về hóa đơn số 000042 ngày 05/8/1992, số tiền 800.000đ là số tiền nộp cho thửa đất số 700m² (do anh Tứ và anh B con ông đang ở). Mặc dù hóa đơn không ghi số tiền nộp cho thửa nào nhưng vì khi thu tiền xong thì xã đến giao đất nên ông khẳng định đây là tiền của thửa đất này.

Về quá trình sử dụng thửa đất số 12: Khoảng 2003, 2004 gia đình ông H đông con, ông H đã đổ đất quá nửa thửa đất số 12 để làm nhà cho con trai là Nguyễn Viết B, khoảng 2006 hoặc 2007, sau khi thửa đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông H có làm nhà cho anh B ở riêng trên cả hai thửa đất, thửa đất 700m² và thửa đất 449m² (thửa 449m² chỉ sang một phần nhỏ), khi đổ đất, làm nhà UBND xã không xử lý vi phạm hành chính gì. Đến năm 2015 gia đình đổ đất lấp ao xã cũng không xử lý gì vì Ủy ban đã bán cho gia đình, ông Nguyễn Vinh N lúc đó làm Chủ tịch UBND xã C còn bảo gia đình lấp được thế thì tốt cho đỡ muỗi, sau đó thì xảy ra việc ông H1 tố cáo.

Ông H không biết Quyết định 165A/QĐ-UBND ngày 11/9/2009; Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 9/9/2009, sơ đồ thửa đất kèm Biên bản kiểm tra hiện trạng, Biên bản vi phạm hành chính ngày 9/9/2009 ông khẳng định không hề biết những tài liệu này, Gia đình ông không bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào, không có chữ ký của bất kỳ ai trong gia đình ông, theo ông H những tài liệu này do UBND xã tự lập ra. Trong Biên bản vi phạm hành chính về đất đai có chữ ký giống chữ ký của ông nhưng không phải chữ ký của ông.

Tòa án có cho ông H xem Biên bản làm việc ngày 12/5/2015 có ghi tên ông, nội dung biên bản ghi UBND xã lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 4/5/2015, tại buổi làm việc ông N có thông qua Quyết định 1068/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND thị xã, ông khẳng định ông không có mặt trong buổi làm việc này và không có Biên bản vi phạm hành chính nào; ông cũng khẳng định không được biết đến Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 24/6/2009 về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Viết H tại xã C, thị xã P (Quyết định 1068). Có một số tài liệu thể hiện chính quyền địa phương thông báo cho các tổ chức tín dụng dừng giao dịch đối với thửa đất 449m² gia đình ông cũng không biết, năm 2019 Gia đình ông mới biết quyết định 1068 nhưng gia đình ông không khiếu kiện quyết định này.

Năm 2009 ông Trần Đông T1 ở khu 2 cùng phường có làm đơn khiếu nại, tố cáo UBND xã C và UBND thị xã P về việc cấp đất cho G đình ông H. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo như thế nào gia đình ông H hoàn toàn không biết và cũng không nhận được bất cứ văn bản nào của UBND thị xã P về việc giải quyết liên quan đến diện tích đất trên của gia đình ông H.

Nay UBND thành phố P ban hành Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 về việc thu hồi thửa đất số 12 tờ bản đồ số 39 diện tích 449m² là loại đất ao hiện nay ông Nguyễn Viết H đang quản lý, sử dụng với lý do: *Thu hồi để UBND phường C quản lý, lập quy hoạch, hoàn thiện các thủ tục cần thiết để đầu tư xây dựng hạ tầng và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.* Với căn cứ và lý do đã nêu trong Quyết định, ông H không đồng ý vì:

Thứ nhất: Diện tích đất 449m², thửa số 12 TĐĐ số 39 nguồn gốc từ việc chuyển nhượng, nhưng gia đình ông vẫn phải nộp tiền cho UBND xã C để được công nhận quyền sử dụng đất; trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật ;

Thứ hai: Quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của ông Trần Đông T1 như thế nào gia đình ông H không biết và cũng không nhận được Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 21/8/2009 của UBND thị xã P về việc thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Viết H tại xã C, thành phố P.

Thứ ba: Căn cứ vào Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai thì :

Khoản 1 Điều 23 ghi: « *Đất giao không đúng thẩm quyền cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều này bao gồm các trường hợp người đứng đầu điểm dân cư*

giao đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ; tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng nhưng đã tự phân phối, bố trí cho cán bộ, công nhân viên, xã viên để sử dụng làm nhà ở và các mục đích khác”.

Khoản 3 ghi: “*Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Nghị định này*

Trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở hoặc công trình xây dựng khác thì diện tích còn lại không có nhà ở, công trình xây dựng được xác định là đất nông nghiệp theo hiện trạng đang sử dụng, nếu người sử dụng đất đề nghị được chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp thì phải làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.”.

Khoản 1 Điều 20 của Nghị định 43 ghi:

“1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp sử dụng đất; việc sử dụng đất tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn hoặc quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi chung là quy hoạch) hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đã sử dụng đất từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:

a) Đối với thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức công nhận đất ở quy định tại Khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai (sau đây gọi là hạn mức công nhận đất ở) thì toàn bộ diện tích thửa đất được công nhận là đất ở.

Trường hợp thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức công nhận đất ở thì diện tích đất ở được công nhận bằng hạn mức công nhận đất ở; trường hợp diện tích đất xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống lớn hơn hạn mức công nhận đất ở thì công nhận diện tích đất ở theo diện tích thực tế đã xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống đó”

Căn cứ các quy định nêu trên của pháp luật ông H cho rằng: Nếu quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo xác định UBND xã C giao đất cho G đình ông H trái thẩm quyền thì gia đình ông H vẫn được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định nêu trên của pháp luật; Đất gia đình ông H sử dụng trước thời điểm có quy hoạch và hiện nay vẫn phù hợp với quy hoạch trong quá trình sử dụng, không tranh chấp với ai, chính quyền địa phương cũng không có ý kiến gì.

Thứ 4: Diện tích đất của gia đình ông H đã xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt nằm trong khu dân cư đã sử dụng ổn định trước năm 1980, không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi theo Điều 61 Luật đất đai quy định về thu hồi vì mục đích quốc phòng an ninh; Điều 62 Luật đất đai quy định về thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích của quốc gia.

Từ các phân tích trên, ông H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh V hủy bỏ Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND thành phố P.

Gia đình ông hiện sử dụng 07 thửa đất, liên quan đến khiếu kiện có thửa đất 110m² và thửa đất số 12. Đối với thửa đất 110m² Nhà nước đã cưỡng chế để trả cho ông Toàn, Gia đình ông H không khiếu kiện gì nữa.

Người bị kiện là UBND thành phố Pdo ông Hoàng Trọng L là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2008 UBND thị xã P(nay là thành phố P) nhận được đơn khiếu nại tố cáo của ông Trần Đông T1 ở khu 2 xã C. Nội dung đơn ông T1 nêu theo Nghị quyết của Đảng ủy và Hội đồng nhân dân xã C về xây dựng trường học, lấy kinh phí từ việc giao đất cho các hộ để làm nhà ở có thu tiền nhưng đến nay vẫn chưa được giao đất và tố cáo ông Nguyễn Viết H là người nhà của các cán bộ xã đã chiếm dụng nhiều đất nhưng ông H được cán bộ xã bao che.

Qua kiểm tra xác minh những thửa đất ông H đang sử dụng có thửa đất số 12, tờ bản đồ số 39, diện tích 449m². Thửa đất đã được UBND thị xã P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 778731 ngày 17/3/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn Viết H. Kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện thửa đất có nguồn gốc do tập thể cấp 1992 +1972. Tuy nhiên kiểm tra bản đồ địa chính và sổ mục kê thể hiện thửa đất số 12, tờ bản đồ số 39, diện tích 449m² là loại đất ao, chủ sử dụng là UBND xã C. Ông Nguyễn Viết H không chứng minh được việc đã nộp tiền cho xã, không có dự án trang trại.

Ngày 15/4/2009 UBND thị xã P đã ban hành Kết luận 08/KL-UBND kết luận nội dung tố cáo của ông Trần Đông T1, trong đó xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện thửa đất cho ông H (thửa đất số 12) là sai và giao cho UBND xã C làm thủ tục đề nghị UBND thị xã thu hồi. Đến ngày 24/6/2009 UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1068/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 778731, có số vào sổ số H 00062 ngày 17/3/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Viết H.

Căn cứ và quy trình thực hiện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H:

Căn cứ thu hồi:

- Kết luận số 08/KL-UBND ngày 15/4/2009 của UBND thị xã P;
- Các Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh gồm: Văn bản số 6043/UBND-TD2 ngày 21/8/2017 (Không cho phép UBND thị xã P giao thửa đất số 12, TĐĐ 39, diện tích 449,0m² cho ông Nguyễn Viết H theo hình thức không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất); Văn bản số 9058/UBND-TD2 ngày 15/11/2018 (giao Chủ tịch

UBND thành phố Pthu hồi dứt điểm thửa đất số 12 theo đúng quy định của pháp luật); Văn bản số 9964/UBND-TD2 ngày 14/12/2018 (Yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Pthực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 9058/UBND-TD2 ngày 15/11/2018).

Quy trình thu hồi:

Sau khi ban hành Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 24/6/2009, UBND thị xã Pđã giao UBND xã C, phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Viết H, tuy nhiên hộ ông Nguyễn Viết H không chấp hành, không giao nộp GCNQSD đất. Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh tại các Văn bản số 6043/UBND-TD2 ngày 21/8/2017 (Không cho phép UBND thị xã P giao thửa đất số 12, TĐĐ 39, diện tích 449,0 m² cho ông Nguyễn Viết H theo hình thức không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất), Văn bản số 9058/UBND-TD2 ngày 15/11/2018 (Go Chủ tịch UBND thành phố Pthu hồi dứt điểm thửa đất số 12 theo đúng quy định của pháp luật), Văn bản số 9964/UBND-TD2 ngày 14/12/2018 (Yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Pthực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 9058/UBND-TD2 ngày 15/11/2018).

UBND thành phố Pđã ban hành Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 về việc thu hồi thửa đất số 12, tờ bản đồ 39, diện tích 449,0 m² loại đất ao do UBND phường C quản A, hiện ông Nguyễn Viết H đang sử dụng, địa chỉ thửa đất: Tại tổ 3 Đạm Nội, phường C, thành phố Pvới A do: Thu hồi để Go UBND phường C quản A; lập quy hoạch, hoàn thiện các thủ tục cần thiết để đầu tư xây dựng hạ tầng và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành. Tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019, UBND thành phố Pđã giao UBND phường C phối hợp Ban Quản A dự án ĐT&XD thành phố lập phương án hỗ trợ, GPMB (nếu có).

Từ những nội dung trên, xác định: Việc UBND thành phố Pban hành Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 24/6/2009 để thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho ông Nguyễn Viết H và Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 thu hồi thửa đất số 12, tờ bản đồ 39, diện tích 449,0 m² là phù hợp với quy định hiện hành, có căn cứ cụ thể rõ ràng. Việc ông Nguyễn Viết H cho rằng UBND thành phố Pban hành Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 về việc thu hồi thửa đất số 12, tờ bản đồ 39, diện tích 449,0 m² loại đất ao do UBND phường C quản lý, hiện ông Nguyễn Viết H đang sử dụng, địa chỉ thửa đất: Tại tổ 3 Đạm Nội, phường C, thành phố Plà trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và L ích hợp pháp của G đình ông H là không có cơ sở.

Do vậy UBND thành phố Pkhông chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết H.

Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan là UBND xã C do ông Nguyễn Đăng H trình bày:

UBND phường đã tiến hành kiểm tra, hiện nay trong hồ sơ lưu trữ tại phường không còn hồ sơ lưu trữ thể hiện để xây dựng công trình cơ bản nào; Thửa đất ông

Nguyễn Tiến G khai hoang, sử dụng từ 1980 đến 1997 (sau khi ông G và ông H sử dụng 16 năm) đưa vào sổ mục kê, xác định chủ sử dụng đất là UBND xã C là vì từ năm 1980 đến năm 1997 UBND xã C chưa có văn bản giao cho ai quản A và sử dụng đất trên. Hồ sơ địa chính đo đạc năm 1997 tại trang số 01 TBĐ 39 thể hiện: Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 39, diện tích 449m² loại đất Ao do UBND phường C quản A.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Sau nhận được Quyết định 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND thành phố P, ông H có khiếu nại nhưng không được UBND thành phố thụ A giải quyết nên ông H không khiếu nại nữa mà khởi kiện ra Tòa án.

Người có quyền L nghĩa vụ liên quan là UBND phường C do ông Nguyễn Đăng H đại diện theo pháp luật trình bày: Thửa đất số 12 có nằm trong quy hoạch đất ở; Không rõ ông H có nộp tiền cho thửa đất số 12 hay không vì hồ sơ lưu giữ tại UBND xã, phường không giữ được Biên lai thu tiền của ông H; Biên bản làm việc ngày 12/5/2015 thể hiện ông H có bị lập Biên bản vi phạm hành chính nhưng hồ sơ lưu giữ tại UBND phường hiện không có tài liệu này... Về quy trình thủ tục thu hồi đất, UBND phường có bộ phận chuyên môn giúp việc, họ thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; Các văn bản, tài liệu liên quan đến khiếu nại, tố cáo của ông Toàn, ông Huân UBND phường đã cung cấp cho các cơ quan chức năng, Tòa án đã thu thập từ các cơ quan đó, không có gì mới.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, của Thư ký Tòa án và của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 61, 62, 63, 64, 66 Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết H. Hủy Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND thành phố PV/v thu hồi thửa đất số 12, tờ bản đồ số 39, diện tích 449m² loại đất Ao do UBND phường C quản A, hiện ông Nguyễn Viết H đang sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên.

[1] Về tố tụng: Người bị kiện, người có quyền Lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt). Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt họ theo Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 21/3/2019 ông H làm đơn khởi kiện đối với Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND thành phố P V/v thu hồi thửa đất số 12, tờ bản đồ số 39, diện tích 449m² loại đất Ao do UBND phường C quận A, hiện ông Nguyễn Viết H đang sử dụng. Như vậy quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Yêu cầu hủy quyết định hành chính về việc thu hồi đất”. Tòa án nhân dân tỉnh V thụ lý giải quyết vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền cũng như thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 32, 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết H thì thấy:

[3.1] Nội dung vụ án liên quan đến việc UBND thành phố P thu hồi đất ao do hộ ông Nguyễn Viết H đang sử dụng.

Ông H cho rằng thửa số 12 tờ bản đồ số 39 diện tích 449m² đất (thửa số 12) G đình ông bị thu hồi có nguồn gốc là của ông Nguyễn Tiến G cho mượn từ 1992, thửa đất này ông G khai hoang được từ rất lâu, sau khi mượn gia đình ông trồng rau, thả cá, đến năm 1999 ông mới nhận chuyển nhượng của ông G với giá 2.500.000đ. Mặc dù thửa đất trên có nguồn gốc nhận chuyển nhượng nhưng gia đình ông vẫn phải nộp tiền cho UBND xã C với số tiền là 6.400.000đ để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng khoảng 2006 -2007 Gia đình ông có làm nhà cho con trai là Nguyễn Viết B ở thửa số 11 tờ bản đồ số 39 diện tích 420m² đất (đất thổ cư) có sang một phần đất ao và sau đó Gia đình ông đổ đất lấp ao UBND xã không có ý kiến gì, không bị xử phạt vi phạm hành chính, ông Nguyễn Vinh N lúc đó làm Chủ tịch UBND xã C còn bảo Gia đình lấp được thế thì tốt. Ông không biết đến Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 24/6/2009 về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Viết H tại xã C, thị xã P(Quyết định 1068), sau này ông biết nhưng ông không khiếu kiện quyết định này, khi nhận được Quyết định 46 không có khiếu nại nhưng UBND thành phố không giải quyết nên ông khởi kiện ra Tòa, nay ông yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND thành phố P với A do ông đã trình bày.

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy:

Từ khoảng năm 1980 Gia đình ông Nguyễn Tiến G - SN 1960, ở khu 3 thôn Đạm Nội, xã C khai hoang thửa đất số 12, tờ bản đồ 39, loại đất ao, diện tích 449m² tại khu 3, thôn Đạm Nội, xã C nhưng không khai báo với UBND xã C cũng như không thực hiện nghĩa vụ tài chính gì đối với thửa đất này nên trong sổ mục kê được lập năm 1997 lưu trữ tại UBND xã C vẫn thể hiện thửa đất thuộc quyền quản A của UBND xã. Năm 1992 Gia đình ông G không có nhu cầu sử dụng diện tích đất ao này nữa nên cho Gia đình ông Nguyễn Viết H mượn sử dụng trồng rau cần. Cùng thời Gian đó, UBND xã C có chủ trương cho các hộ Gia đình hợp thức, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất tận dụng như đất ao, thúng, vũng... và giao cho các trưởng khu, trưởng thôn thực hiện việc thu tiền của các hộ dân để làm kinh phí xây dựng các công trình công cộng như nhà văn hóa, đường giao thông của khu... (Do thời Gian đã lâu, trải qua nhiều thời kỳ cán bộ, công tác

lưu trữ tài liệu của UBND xã C có nhiều bất cập nên đến nay không còn lưu giữ bất kỳ tài liệu gì thể hiện chủ trương này). Do có nhu cầu hợp thức thửa đất ao trên nên năm 1999 ông G đã nộp 500.000đ cho ông Nguyễn Văn T - Phó Trưởng khu 3 để nhờ làm thủ tục, ông T đã viết Giấy biên nhận số tiền này của ông G. Ngày 05/12/1999, ông G đã viết giấy chuyển nhượng thửa đất ao trên cho ông Nguyễn Viết H với giá 2.500.000đ kèm theo Giấy biên nhận 500.000đ nộp cho ông T. Khi đó ông G viết thêm nội dung đề nghị ông T chuyển số tiền 500.000đ đã nộp sang hộ ông H nộp vào phía dưới giấy biên nhận tiền ngày 03/9/1999 nêu trên. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông G bản thân ông H đã 02 lần nộp tiền để hợp thức diện tích đất trên cho ông Nguyễn Viết Y - SN 1965 (Trưởng khu 3 - thôn đồng thời là cháu ruột ông H) để nhờ làm thủ tục hợp thức diện tích đất này, tổng cộng là 5.900.000đ nhưng không có biên nhận gì. Số tiền này ông Y khai là đã chuyển cho ông T để sử dụng thanh toán các công trình nhà văn hóa, đường giao thông của khu do ông T nhận thầu xây dựng nhưng cũng không có biên nhận gì. Nay do ông T đã chết nên không xác định được là ông T có nhận tiền từ ông Y hay không, nếu có thì tiền đó được sử dụng như thế nào. Tổng số tiền 02 lần ông H nộp cho ông Y và 01 lần ông G nộp cho ông T để làm thủ tục hợp thức cấp cho thửa số 12, tờ bản đồ 39, diện tích 449m ở khu 3 - thôn Đạm Nội là 6.400.000đ.

Ngày 30/6/2004, ông H làm Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 302, tờ bản đồ 35, diện tích 630m²; thửa số 11, tờ bản đồ 39, diện tích 420m²; thửa số 12, tờ bản đồ 39, diện tích 449m² gửi UBND thị xã P. Trong đơn có xác nhận của ông Trương Quang Hưng - Chủ tịch UBND xã C ngày 28/11/2004, xác nhận các thửa đất trên sử dụng ổn định, nguồn gốc đất do tập thể cấp năm 1972, 1992, không có tranh chấp và nằm trong quy hoạch khu dân cư nông thôn; xác nhận của ông Hoàng Trọng L - Trưởng phòng TN&MT thị xã ngày 06/3/2006, thể hiện hồ sơ đầy đủ, nội dung chính xác, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra ông H còn lập Tờ khai xác định mốc thời Gñ sử dụng đất (không đề ngày tháng) đối với thửa đất 449m², thể hiện thửa đất có nguồn gốc do tập thể cấp năm 1992, có chữ ký xác nhận của ông Y.

Ngày 17/3/2006 G đình H đã được UBND thị xã P(cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Viết H.

Năm 2008 do có đơn của ông Trần Đông T1 kiến nghị về việc Gia đình ông Toàn đã nộp tiền nhưng chưa được giao đất, trong khi Gia đình ông H nộp tiền mua đất cùng đợt thì lại được cấp là có dấu hiệu bao che...(BL 181). Sau đó tiếp tục là đơn tố cáo của ông Nguyễn Tiến H1 vào năm 2015, 2016 tố cáo một số cán bộ UBND xã C (Khiếu nại của ông Trần Đông Toàn đã được giải quyết nên ông T1 không có đơn khiếu nại nữa).

Quá trình giải quyết đơn của ông T1, Thanh tra thị xã P có tờ trình số 47/BC-Tr ngày 08/4/2009 đề nghị UBND xã C làm thủ tục đề nghị UBND thị xã P thu hồi ngày 07/3/2006 cho hộ ông Nguyễn Viết H. UBND thị xã P có Kết luận số 08/KL-UBND ngày 15/4/2009 về đơn khiếu nại, tố cáo của ông Trần Đông T1 ở khu 2 xã C với nội dung: “*Ông Nguyễn Viết H có người nhà làm việc tại xã đã hợp thức đất*

công thành đất tư là có cơ sở bởi thửa 12, tờ bản đồ 39, diện tích 449m² đã được UBND thị xã cấp số H00062 ngày 17/3/2006. Theo sổ mục kê đó là đất của UBND xã nhưng nay đã cấp cho ông H là sai vì ông H không chứng minh được đã nộp tiền cho xã hay ai chưa và không có dự án trong trại, vì vậy việc cấp cho ông H là không đúng... Go UBND xã C làm thủ tục đề nghị UBND thị xã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã cấp ngày 17/3/2006 cho ông Nguyễn Viết H... kiểm điểm những cán bộ đã làm đề xuất cấp cho ông H”.

Ngày 24/4/2009, UBND xã C có Thông báo số 79/TB UBND, yêu cầu ông H nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00062 trước ngày 28/4/2009 và ngày 05/5/2006 có Tờ trình số 83/TTr-UB, “*đề nghị UBND thị xã hủy bỏ đã cấp cho ông H; việc cấp nhầm cho hộ ông Nguyễn Viết H là do lỗi của Trưởng thôn Đạm Nội, cán bộ Địa chính và Hội đồng xét cấp Giấy CNQSDĐ tại thời điểm năm 2006*” (BL 252, 253). Trên cơ sở đó, ngày 24/6/2009 UBND thị xã P có Quyết định số 1068/QĐ-UBND, thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng số H00062 do UBND thị xã P cấp ngày 17/3/2006 cho ông Nguyễn Viết H với lý do “*UBND thị xã cấp đất của UBND xã C cho ông H*”.

Theo tài liệu có trong hồ sơ thì tuy đã có Quyết định số 1068/QĐ-UBND thu hồi Giấy CNQSDĐ nhưng ông H không chấp hành mà vẫn tiến hành xây dựng nhà ở trên diện tích đất này. Ngày 09/9/2009 xã C đã tiến hành kiểm tra hiện trạng và lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông H về hành vi “*tự ý xây dựng móng nhà ở trên đất công*” và ngày 11/9/2009 đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng và quản lý đất đai đối với ông H với mức 500.000đ; yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trái phép lấn chiếm trên đất công (trong thời gian từ ngày 09/9/2009 đến 16/9/2009) (BL 259 -263) nhưng ông H không chấp hành nộp phạt và tháo dỡ công trình vi phạm với lý do ông đã nộp tiền cho khu hành chính và UBND xã từ năm 1999 và vẫn tiếp tục xây dựng hoàn thiện 35m² nhà ở 2 tầng trên diện tích đất này.

Theo Biên bản làm việc ngày 12/5/2015 thì ngày 04/5/2015, UBND xã C kiểm tra, lập Biên bản vi phạm hành chính đối với Nguyễn Viết B (con trai ông H) về hành vi tự ý đổ đất trái phép trên đất công gây ách tắc hệ thống tiêu nước trong khu dân cư và ngày 12/5/2015 UBND xã C làm việc với ông H thông qua Quyết định số 1068/QĐ-UBND của UBND thị xã đồng thời yêu cầu dừng ngay việc đổ đất, trả lại hiện trạng như ban đầu nhưng ông H không chấp hành với lý do đã nộp tiền mua thửa đất ao trên.

Ngày 09/01/2019 UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 46/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa đất số 12, tờ bản đồ 39, diện tích 449,0 m² loại đất ao do UBND phường C quản A, hiện ông Nguyễn Viết H đang sử dụng, địa chỉ thửa đất: Tại tổ 3 Đạm Nội, phường C, thành phố P với A do: Thu hồi để Go UBND phường C quản A; lập quy hoạch, hoàn thiện các thủ tục cần thiết để đầu tư xây dựng hạ tầng và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành.

[3.2] Xem xét tính hợp pháp của quyết định 46/QĐ-UBND, thấy rằng.

[3.2.1] *Về hình thức và thẩm quyền ban hành:*

Quyết định 46/QĐ-UBND của UBND thành phố Pđược ban hành theo đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật đất đai. Hình thức văn bản bản theo đúng mẫu số 10 (Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) Tuy nhiên phần căn cứ pháp lý UBND thành phố Pđưa ra trong quyết định là Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, *không phải là văn bản quy phạm pháp luật của Luật. Điều này trái với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.*

[3.2.2] *Về trình tự, thủ tục thu hồi đất:*

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 thì Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại các Điều từ 61 đến 65, gồm: Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh (Điều 61); thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì Lợi ích quốc Gia, công cộng (Điều 62); thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai (Điều 64). Các trường hợp thu hồi đất trên đều được Luật Đất đai và các văn bản dưới Luật hướng dẫn cụ thể. Gia đình ông H không bị thu hồi đất theo các Điều Điều 61, 62 Luật Đất đai. Theo nội dung vụ án thì Gia đình ông H bị thu hồi đất theo quy định tại Điều 64 Luật Đất đai. Điều 64 được hướng dẫn bởi ngày 15/15/2014. Điều 66 quy định như sau:

“1. Trường hợp vi phạm pháp luật mà phải thu hồi đất, khi hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm lập biên bản về vi phạm hành chính để làm căn cứ quyết định thu hồi đất.

Trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai không thuộc trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì biên bản xác định hành vi vi phạm phải có đại diện của Ủy ban nhân dân cấp xã làm chứng để làm căn cứ quyết định thu hồi đất và được lập theo quy định sau đây:

a) Cơ quan tài nguyên và môi trường tổ chức kiểm tra để xác định hành vi vi phạm quy định tại các Điểm c, d và g Khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai; tổ chức thanh tra để xác định hành vi vi phạm quy định tại Điểm h và Điểm i Khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai;

b) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản, người được Giao nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra có trách nhiệm gửi biên bản cho cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất để chỉ đạo thu hồi đất.

2. Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thẩm tra, xác minh thực địa khi cần thiết, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất.

3. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có trách nhiệm sau:

a) Thông báo việc thu hồi đất cho người sử dụng đất và đăng trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

b) Chỉ đạo xử lý phần giá trị còn lại của giá trị đã đầu tư vào đất hoặc tài sản gắn liền với đất (nếu có) theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 65 của Nghị định này;

d) Bố trí kinh phí thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

4. Cơ quan tài nguyên và môi trường chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; thu hồi Giấy chứng nhận hoặc thông báo Giấy chứng nhận không còn giá trị pháp lý đối với trường hợp người sử dụng đất không chấp hành việc nộp lại Giấy chứng nhận.

(Điều 66 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP được hướng dẫn tại Điều 12 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014)

Tuy nhiên UBND thành phố P đã không tuân theo trình tự thủ tục nêu trên. Quyết định 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 chỉ căn cứ vào “Kết luận về nội dung khiếu nại, tố cáo của ông Trần Đông T1 ở khu 2 xã C” và các văn bản của tỉnh đề thu hồi đất của ông H là không đúng (Lưu ý: Kết luận 08/KL-UBND không kết luận về việc thu hồi đất của ông H đối với thửa đất số 12).

Quá trình giải quyết vụ án UBND thành phố P đã chỉ ra căn cứ pháp lý để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ – CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...), không chỉ ra những quy định của nào của Luật đất đai và những quy định nào của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (quy định của pháp luật về nội dung) liên quan đến lý do thu hồi đất để áp dụng để chứng minh tính đúng đắn, hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện.

Thực tế Gia đình ông H có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai như làm nhà trên một phần đất ao, lấp đất ao (vì ông H cho rằng đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với UBND xã), vi phạm Điều 64 Luật Đất đai, nhưng ông H cho rằng ông chưa bao giờ bị xử phạt vi phạm hành chính. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện có Biên bản vi phạm hành chính về pháp luật đất đai ngày 9/9/2009 nhưng không có chữ ký của bên vi phạm; Quyết định 165A/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 của UBND xã C về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng và quản lý đất đai sai về thẩm quyền ban hành và không thể hiện ông H đã nhận hoặc không nhận quyết định này; Ông H cũng không thừa nhận có việc UBND xã C lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 4/5/2015 (Theo Biên bản làm việc ngày 12/5/2015) vì ông không có mặt trong buổi làm việc này; tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của UBND phường C cũng thừa nhận UBND phường không còn lưu trữ Biên bản vi phạm hành chính ngày 4/5/2015. Như vậy không đủ căn cứ để khẳng định UBND xã C đã tiến hành các thủ tục lập Biên bản vi phạm hành chính để làm căn cứ thu hồi đất đối với ông H.

Nội dung Quyết định 46 ghi: « Thu hồi để Giao cho UBND phường C quản lý, lập quy hoạch, hoàn thiện các thủ tục cần thiết để đầu tư xây dựng hạ tầng và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành »; Như vậy Quyết định 46 chỉ nêu mục đích thu hồi đất, không nêu lý do thu hồi đất. Nếu cho rằng UBND thành phố P thu hồi đất của hộ ông H để phát triển kinh tế - xã hội vì Lợi ích quốc gia, công cộng thì phải theo quy định tại Điều 63 Luật Đất đai: “Việc thu hồi đất vì

mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì Lợi ích quốc Gia, công cộng phải dựa trên các căn cứ sau đây: (i) Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật này; (ii) Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; (iii) Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án” và trình tự, thủ tục thu hồi đất theo quy định tại Điều 67 Luật Đất đai “Thông báo thu hồi đất và chấp hành quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì Lợi ích quốc Gia, công cộng” (Điều này được hướng dẫn tại Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP), cụ thể Điều 67 quy định:

1. Trước khi có quyết định thu hồi đất, chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi biết. Nội dung thông báo thu hồi đất bao gồm kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

2. Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất trước thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất mà không phải chờ đến hết thời hạn thông báo thu hồi đất.

3. Người có đất thu hồi có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong quá trình điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4. Khi quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được công bố công khai, người có đất thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất.

Tuy nhiên UBND thành phố P đã không tiến hành các thủ tục này.

Mặt khác theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì: “3. Trường hợp đất được Giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Nghị định này”. Như vậy nếu việc giao đất cho ông H không đúng thẩm quyền thì ông H cũng không bị thu hồi đất theo hướng dẫn trên.

Vụ việc của ông Nguyễn Viết H nói riêng và của các hộ dân khác nói chung trên địa bàn phường C là tồn tại lịch sử, việc ông H không chứng minh được đã nộp tiền đất cho Ủy ban cũng một phần lỗi của Ủy ban. Tòa án cũng đã tiến hành thẩm định đối với thửa đất số 12 thì thấy thửa đất này không có lối vào. Tài liệu trong hồ sơ cũng thể hiện: Ngày 16/6/2017 UBND thành phố P đã có Công văn số 92/BC-UBND “Báo cáo về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Nguyễn Tiến Huân, địa chỉ Thôn 3 Đạm Nội, C, thị xã P”, theo đó UBND thành phố P đề nghị UBND tỉnh V Go đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá (thửa đất không có đường vào) cho ông Nguyễn Viết H để thu ngân sách nhà nước vì phù hợp với quy hoạch. Đề nghị này phù hợp với Điều 8, 9 Nghị định 45/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và Nghị định 123/2017/NĐ – CP ngày 14/11/2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều

của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, nhưng không được UBND tỉnh chấp nhận.

Từ phân tích trên thấy rằng UBND thành phố Pban hành Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 là không đủ căn cứ pháp lý, không đúng về trình tự, thủ tục thu hồi đất theo quy định của pháp luật và thực tế khách quan. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H; hủy Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND thành phố P“V/v thu hồi thửa đất số 12, tờ bản đồ số 39, diện tích 449m² loại đất Ao do UBND phường C quản lý, hiện ông Nguyễn Viết H đang sử dụng”.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu của ông H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND thành phố Pphải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 61, 62, 63, 64, 66 Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết H. Hủy Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND thành phố PV/v thu hồi thửa đất số 12, tờ bản đồ số 39, diện tích 449m² loại đất Ao do UBND phường C quản lý, hiện ông Nguyễn Viết H đang sử dụng

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Viết H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do ông H là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Ủy ban nhân dân thành phố Pphải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh V;
- Cục THADS tỉnh V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thanh

